CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/TVP/2018

M.S.D.N: 0313319549 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN TÂN VIỆT PHÁP
QUẬN 12 - T.P HỒ CHÍ MINH

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN TÂN VIỆT PHÁP

Địa chỉ: Số 48M/1, Đường Hiệp Thành 44, Khu phố 3, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.66711819

E-mail: suabotvietphap@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0313319549

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG MERI GOLD SURE CARE

2. Thành phần: Sữa bột tách béo (skimmed milk powder), sữa bột nguyên kem, maltodextrin, dầu thực vật, vitamin nhóm B (B1, B2, B6, B9, B12), vitamin A, vitamin C, vitamin E, vitamin D3, vitamin PP, glucosamine, chất xơ hoà tan (FOS), DHA, Choline, Magie (Mg), Canxi (Ca), Phospho (P), Natri (Na), Kali (K), Sắt (Fe), Kẽm (Zn), đạm đậu nành, khoáng chất, MUFA, PUFA

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem dưới đáy lon

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng gói kín

Khối lượng tịnh: 400 g, 800 g, 900 g hoặc theo yêu cầu của thị trường và được thể hiện rõ trên nhãn hàng hóa

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc chuyên dụng và xếp vào thùng carton đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên cơ sở: Chi nhánh Công ty Cổ phần sản xuất thương mại phát triển Tân Việt Pháp

Địa chỉ: 158F Đường Ấp Đông 2, Ấp Đông 1, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000586/2018/ATTP-CNĐK. Ngày cấp: 29/10/2018. Nơi cấp: Cục An Toàn Thực Phẩm - Bộ Y Tế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19.12.2007 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc ban hành giới hạn tối đa ô nhiễm về sinh học và hóa học trong thực phẩm
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0313319549 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN TÂN VIỆT PHÁP
QUẬN 12 - T.P HỒ CHÍ MINH

Hồ Công Tuấn

NHÃN DỰ THẢO

THỰC PHẨM BỔ SUNG MERI GOLD SURE CARE

Thành phần: Sữa bột tách béo (skimmed milk powder), sữa bột nguyên kem, maltodextrin, dầu thực vật, vitamin nhóm B (B1, B2, B6, B9, B12), vitamin A, vitamin C, vitamin E, vitamin D3, vitamin PP, glucosamine, chất xơ hoà tan (FOS), DHA, Choline, Magie (Mg), Canxi (Ca), Phospho (P), Natri (Na), Kali (K), Sắt (Fe), Kẽm (Zn), đạm đậu nành, khoáng chất, MUFA, PUFA

Hướng dẫn sử dụng: Cho 4 muỗng bột (khoảng 34 g) vào 180 ml nước sôi để nguội (khoảng 45^0C - 50^0C), khuấy đều cho tan hoàn toàn. Dùng ngay khi còn ấm.

Đối tượng sử dụng: Dành cho người từ 30 tuổi trở lên

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có chứa sữa, không thích hợp cho người không dung nạp sữa bò, dị ứng với lactose.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sau mỗi lần sử dụng nên giữ kín miệng bao bì. Nên sử dụng hết trong vòng 1 tháng kể từ ngày mở miệng bao bì.

Khối lượng tịnh:

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem dưới đáy lon

Số TCBSP: 04/TVP/2018

Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN TÂN VIỆT PHÁP

Địa chỉ: Số 48M/1, Đường Hiệp Thành 44, Khu phố 3, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần sản xuất thương mại phát triển Tân Việt Pháp

Địa chỉ sản xuất: 158F Đường Ấp Đông 2, Ấp Đông 1, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

Bảng thành phần dinh dưỡng:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức
Năng lượng	Kcal/100g	482

Hàm lượng Protein	g/100g	11.4
Hàm lượng Lipid	g/100g	12.6
Carbohydrat	g/100g	64
Phospho (P)	mg/100g	220
Canxi (Ca)	mg/100g	600
Kẽm (Zn)	mg/100g	1.21
Magie (Mg)	mg/100g	35
Sắt (Fe)	mg/100g	1.6
Natri (Na)	mg/100g	283
Kali (K)	mg/100g	650
Clorid	mg/100g	400
Vitamin A	µg/100g	326
Vitamin E	mg/100g	3.58
Vitamin C	mg/100g	21.7
Vitamin B1	µg/100g	137
Vitamin B2	µg/100g	732
Vitamin B6	µg/100g	53
Vitamin B9	µg/100g	13
Vitamin B12	µg/100g	1.3
Vitamin D3	µg/100g	282
Vitamin H	µg/100g	14
Vitamin PP	µg/100g	258
Choline	mg/100g	43.5
FOS	mg/100g	230
DHA	mg/100g	7.8
Glucosamine	mg/100g	230
MUFA	mg/100g	160
PUFA	mg/100g	156

CÔNG TY CP DV KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHẤN NAM
VP: 80-82-84 Thăng Long, P. 4, Q. Tân Bình, Tp. HCM
PNM & TN: 176/9A Lê Văn Sỹ, P. 10, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
Điện thoại: 028.39911131 - 028.39911132 - Hotline: 0901372755
Email: info@channam.com.vn - Website: www.channam.com.vn
CHAN NAM TSS
VILAS 677

BẢN SAO

Số: 18110933/KQ

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số: 18110281/1811068

Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN TÂN VIỆT PHÁP**

Địa chỉ: Số 48M/1, đường Hiệp Thành 44, Khu phố 3, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM

Ngày nhận mẫu: 02/11/2018 **Ngày trả kết quả:** 12/11/2018

Loại mẫu: Thực phẩm bổ sung **Số lượng:** 01 mẫu

Tên mẫu: **THỰC PHẨM BỔ SUNG MERI GOLD SURE CARE**

Tình trạng mẫu: Dạng bột, đóng lon kín.

Kết quả: Xem trang 2, 3, 4/4

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 23-11-2018
Số CT: 1555 Quyển số: 01 SCT/BS

Phụ trách kỹ thuật **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trần Thụy Thanh Thảo **Lê Quốc Việt**

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trịnh Như Tố

1. *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample*
2. *Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp / Sample information was provided by the customer*
3. *(*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận / Item was accredited by VILAS*
4. *(i) Chỉ tiêu được Cục An Toàn Thực Phẩm (Bộ Y Tế) chỉ định / Item was assigned by Vietnam Food Administration (Ministry of Health)*
   KPH: Không phát hiện / ND: Not detected, LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP
01	Độ ẩm (*)	4,61	%	FAO, 14/7, 1986
02	Năng lượng	482	kcal/100g	Được tính từ protein, béo và carbohydrat
03	Hàm lượng Protein (Nx6,25) (*)	11,4	g/100g	FAO, p14/7, 1986
04	Hàm lượng Lipid	20,0	g/100g	TK.FAO, p14/7, 1986
05	Carbohydrat	64,0	g/100g	FAO, p14/7, 1986
06	Chì (Pb) (*)	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg	AOAC 999.11
07	Cadimi (Cd) (*)	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg	AOAC 999.11
08	Thủy ngân (Hg)	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg	AOAC 974.14
09	Arsen (As)	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg	AOAC 986.15
10	Thiếc (Sn)	Không phát hiện (LOD=0,05)	mg/kg	TK.AOAC 999.11
11	Photpho (P)	406	mg/100g	TK.AOAC 995.11
12	Canxi (Ca)	287	mg/100g	AOAC 968.08
13	Kẽm (Zn) (*)	1,21	mg/100g	AOAC 999.11
14	Magie (Mg)	35,0	mg/100g	AOAC 968.08
15	Sắt (Fe) (*)	1,60	mg/100g	AOAC 999.11
16	Natri (Na)	283	mg/100g	AOAC 969.23
17	Kali (K)	650	mg/100g	AOAC 969.23
18	Đồng (Cu) (*)	140	µg/100g	AOAC 999.11
19	Clorid	400	mg/100g	AOAC 937.09
20	Flouride	Không phát hiện (LOD=10)	mg/kg	AOAC 961.16

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP
21	Selen (Se)	14,0	µg/100g	Ref.AOAC 986.15
22	Vitamin A (Retinyl Palmitat)	326	µg/100g	TCVN 7081-2 : 2010
23	Vitamin E (Alpha tocopheryl acetat)	3,58	mg/100g	TCVN 8176 : 2010
24	Vitamin C	21,7	mg/100g	TCVN 8977 : 2011
25	Vitamin B1	137	µg/100g	TCVN 5164 : 2008
26	Vitamin B2	732	µg/100g	TCVN 8975 : 2011
27	Vitamin B6	53	µg/100g	EN 14164-2008
28	Vitamin B9	13,0	µg/100g	Ref.AOAC 992.05
29	Vitamin B12	1,30	µg/100g	QTTN/KT3 160:2017
30	Vitamin D3	282	µg/100g	AOAC 2016 (2016.11)
31	Vitamin H	14,0	µg/100g	EN 15607 : 2009
32	Vitamin PP	258	µg/100g	EN 15652 - 2009
33	Vitamin K1	43,4	µg/100g	TCVN 8974 : 2011
34	Choline	43,5	mg/100g	AOAC 999.14
35	Inositol	5,3	mg/100g	Ref.J.Food chem 120(2010),637-642
36	FOS	230	mg/100g	KN/QTKT/7.23
37	DHA	7,80	mg/100g	AOAC 996.06
38	Glucosamine	230	mg/100g	KN/QTKT/14
39	Aflatoxin M1	Không phát hiện (LOD=0,02)	µg/kg	TCVN 6685 : 2009
40	Melamine	Không phát hiện (LOD=1,0)	mg/kg	Ref TCVN 9048-2012
41	*Enterobacteriaceae* (*)	Không phát hiện	CFU/g	TCVN 5518 – 2 :2007 (ISO 21528-2: 2004)

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP
42	*Staphylococcus dương tính với coagulase* (*)	Không phát hiện	CFU/g	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999)
43	*Listeria monocytogenes*	Không phát hiện	CFU/g	TCVN 7700 – 2 : 2007 (ISO 11290 – 2 : 1998 with amd 1:2004)
44	*Nội độc tố của Staphylococus (Staphylococal enterotoxin)*	Âm tính	/25g	TCVN 9582 : 2013 (AOAC 976.31)
45	*Salmonella*	Âm tính	/25g	TCVN 4829 : 2005 SĐ 1:2008 (ISO 6579:2002 with amd 1:2007)

Ghi chú: *Chỉ tiêu số 41-43 có ngưỡng phát hiện = 10CFU/g*
Chỉ tiêu số 20,21,25-38,40 được thực hiện bởi nhà thầu phụ